

Họ, tên thí sinh:

Mã đề thi 224

Số báo danh:

Câu 81. Một loài thực vật có bộ nhiễm sắc thể lưỡng bội $2n$. Cây tam bội được phát sinh từ loài này có bộ nhiễm sắc thể là

- A. $4n$. B. $2n + 1$. C. $3n$. D. $2n - 1$.

Câu 82. Quan hệ giữa giun đũa sống trong ruột lợn và lợn thuộc quan hệ

- A. cộng sinh. B. hợp tác. C. hội sinh. D. kí sinh.

Câu 83. Cho biết quá trình giảm phân diễn ra bình thường. Theo lí thuyết, phép lai $AABB \times AABb$ cho đời con có bao nhiêu loại kiểu gen?

- A. 4. B. 1. C. 2. D. 3.

Câu 84. Cho chuỗi thức ăn: Cây ngô \rightarrow Sâu ăn lá ngô \rightarrow Nhái \rightarrow Rắn hổ mang \rightarrow Diều hâu. Trong chuỗi thức ăn này, cây ngô thuộc bậc dinh dưỡng

- A. cấp 3. B. cấp 4. C. cấp 2. D. cấp 1.

Câu 85. Khi nói về các yếu tố ngẫu nhiên theo thuyết tiến hóa hiện đại, phát biểu nào sau đây đúng?

- A. Các yếu tố ngẫu nhiên làm thay đổi tần số alen của quần thể không theo một chiều hướng nhất định.
 B. Các yếu tố ngẫu nhiên luôn làm phong phú vốn gen của quần thể.
 C. Các yếu tố ngẫu nhiên quy định chiều hướng tiến hóa.
 D. Các yếu tố ngẫu nhiên chỉ đào thải alen lặn mà không đào thải alen trội ra khỏi quần thể.

Câu 86. Enzim nào sau đây tham gia vào quá trình tổng hợp ARN?

- A. Restrictaza. B. Ligaza. C. ADN pôlimeraza. D. ARN pôlimeraza.

Câu 87. Cừu Đôly được tạo ra bằng phương pháp nào sau đây?

- A. Dung hợp tế bào trần. B. Gây đột biến. C. Nhân bản vô tính. D. Cây truyền phôi.

Câu 88. Theo thuyết tiến hóa hiện đại, nhân tố tiến hóa nào sau đây làm thay đổi tần số alen của quần thể theo một chiều hướng nhất định?

- A. Đột biến. B. Chọn lọc tự nhiên.
 C. Các yếu tố ngẫu nhiên. D. Di - nhập gen.

Câu 89. Trong lịch sử phát triển của sinh giới qua các đại địa chất, chim và thú phát sinh ở kỉ nào sau đây?

- A. Kỉ Đêvôn. B. Kỉ Jura. C. Kỉ Triat (Tam điệp). D. Kỉ Đệ tam.

Câu 90. Ở người, bệnh hoặc hội chứng bệnh nào sau đây do đột biến nhiễm sắc thể gây nên?

- A. Bệnh mù màu đỏ - xanh lục. B. Hội chứng Đào.
 C. Bệnh bạch tạng. D. Bệnh máu khó đông.

Câu 91. Nhân tố sinh thái nào sau đây là nhân tố vô sinh?

- A. Thực vật. B. Vi sinh vật. C. Động vật. D. Nhiệt độ.

Câu 92. Một quần thể có thành phần kiểu gen là: $0,16AA : 0,48Aa : 0,36aa$. Tần số alen A của quần thể này là bao nhiêu?

- A. 0,7. B. 0,4. C. 0,3. D. 0,5.

Câu 93. Cho chuỗi thức ăn: Tảo lục đơn bào → Tôm → Cá rô → Chim bói cá. Khi nói về chuỗi thức ăn này, có bao nhiêu phát biểu sau đây **sai**?

- I. Quan hệ sinh thái giữa tất cả các loài trong chuỗi thức ăn này đều là quan hệ cạnh tranh.
- II. Quan hệ dinh dưỡng giữa cá rô và chim bói cá dẫn đến hiện tượng khống chế sinh học.
- III. Tôm, cá rô và chim bói cá đều là sinh vật tiêu thụ.
- IV. Sự tăng, giảm số lượng chim bói cá sẽ ảnh hưởng đến sự tăng, giảm số lượng cá rô.

A. 1. B. 3. C. 2. D. 4.

Câu 94. Ở ruồi giấm, alen A quy định mắt đỏ trội hoàn toàn so với alen a quy định mắt trắng. Biết rằng không xảy ra đột biến. Theo lí thuyết, phép lai nào sau đây cho đời con có kiểu hình phân li theo tỉ lệ: 1 ruồi cái mắt đỏ : 1 ruồi đực mắt trắng?

A. $X^AX^a \times X^aY$. B. $X^AX^a \times X^AY$. C. $X^AX^A \times X^aY$. D. $X^aX^a \times X^AY$.

Câu 95. Khi nói về đột biến gen, phát biểu nào sau đây **sai**?

- A. Đột biến gen có thể gây hại nhưng cũng có thể vô hại hoặc có lợi cho thể đột biến.
- B. Gen đột biến khi đã phát sinh chắc chắn được biểu hiện ngay ra kiểu hình.
- C. Đột biến gen làm thay đổi chức năng của prôtêin thường có hại cho thể đột biến.
- D. Mức độ gây hại của alen đột biến phụ thuộc vào môi trường và tổ hợp gen.

Câu 96. Ví dụ nào sau đây thể hiện quan hệ cạnh tranh giữa các cá thể trong quần thể sinh vật?

- A. Bò nông đi kiếm ăn theo đàn bắt được nhiều cá hơn bò nông đi kiếm ăn riêng rẽ.
- B. Vào mùa sinh sản, các con cò cái trong đàn tranh giành nơi làm tổ.
- C. Tảo giáp nở hoa gây độc cho tôm, cá sống trong cùng một môi trường.
- D. Các cây thông nhựa liền rễ sinh trưởng nhanh hơn các cây thông nhựa sống riêng rẽ.

Câu 97. Cho biết mỗi gen quy định một tính trạng, các alen trội là trội hoàn toàn và không xảy ra đột biến. Theo lí thuyết, phép lai nào sau đây cho đời con có số cá thể mang kiểu hình trội về cả hai tính trạng chiếm 25%?

A. $\frac{Ab}{ab} \times \frac{aB}{ab}$. B. $\frac{Ab}{aB} \times \frac{Ab}{aB}$. C. $\frac{AB}{aB} \times \frac{ab}{ab}$. D. $\frac{AB}{ab} \times \frac{aB}{ab}$.

Câu 98. Tập hợp sinh vật nào sau đây là quần thể sinh vật?

- A. Tập hợp cá đang sống ở Hồ Tây.
- B. Tập hợp voọc mông trắng đang sống ở khu bảo tồn đất ngập nước Vân Long.
- C. Tập hợp côn trùng đang sống ở Vườn Quốc gia Cúc Phương.
- D. Tập hợp cây cỏ đang sống ở cao nguyên Mộc Châu.

Câu 99. Theo thuyết tiến hóa hiện đại, đột biến và di - nhập gen có chung đặc điểm nào sau đây?

- A. Là nhân tố quy định chiều hướng tiến hóa.
- B. Cung cấp nguồn biến dị thứ cấp cho quá trình tiến hóa.
- C. Chỉ làm thay đổi thành phần kiểu gen mà không làm thay đổi tần số alen của quần thể.
- D. Có thể làm phong phú vốn gen của quần thể.

Câu 100. Khi nói về cơ chế di truyền ở cấp độ phân tử, phát biểu nào sau đây đúng?

- A. Dịch mã là quá trình dịch trình tự các codon trên mRNA thành trình tự các axit amin trong chuỗi pôlipeptit.
- B. Quá trình dịch mã có sự tham gia của các nuclêôtit tự do.
- C. Quá trình phiên mã cần có sự tham gia của enzym ADN pôlimeraza.
- D. Trong quá trình nhân đôi ADN, cả hai mạch mới đều được tổng hợp liên tục.

Câu 101. Khi nói về tiến hóa nhỏ, phát biểu nào sau đây đúng?

- A. Nguyên liệu sơ cấp của tiến hóa nhỏ là biến dị tổ hợp.
- B. Đột biến quy định chiều hướng của quá trình tiến hóa nhỏ.
- C. Tiến hóa nhỏ không thể diễn ra nếu không có di - nhập gen.
- D. Kết quả của tiến hóa nhỏ là hình thành nên loài mới.

Câu 102. Phép lai P: ♀ $X^AX^a \times \text{♂ } X^AY$, thu được F_1 . Biết rằng trong quá trình giảm phân hình thành giao tử cái, cặp nhiễm sắc thể giới tính không phân li trong giảm phân I, giảm phân II diễn ra bình thường; Quá trình giảm phân hình thành giao tử đực diễn ra bình thường. Theo lí thuyết, trong số các cá thể F_1 , có thể xuất hiện cá thể có kiểu gen nào sau đây?

- A. X^AX^AY . B. X^aX^aY . C. $X^AX^AX^A$. D. X^AX^aY .

Câu 103. Khi nói về lưới thức ăn, phát biểu nào sau đây đúng?

- A. Lưới thức ăn của quần xã rừng mưa nhiệt đới thường đơn giản hơn lưới thức ăn của quần xã thảo nguyên.
 B. Quần xã sinh vật càng đa dạng về thành phần loài thì lưới thức ăn càng đơn giản.
 C. Trong diễn thế nguyên sinh, lưới thức ăn ở quần xã đỉnh cực có cấu trúc đơn giản hơn lưới thức ăn ở quần xã tiên phong.
 D. Trong lưới thức ăn, một loài có thể tham gia vào nhiều chuỗi thức ăn khác nhau.

Câu 104. Khi nói về quan hệ sinh thái giữa các loài trong quần xã sinh vật, phát biểu nào sau đây sai?

- A. Trong quan hệ sinh vật này ăn sinh vật khác, kích thước cơ thể sinh vật ăn thịt luôn lớn hơn kích thước cơ thể con mồi.
 B. Trong quan hệ cộng sinh, các loài hợp tác chặt chẽ với nhau và tất cả các loài tham gia đều có lợi.
 C. Trong quan hệ hội sinh, có một loài có lợi còn loài kia không có lợi cũng không bị hại.
 D. Trong quan hệ kí sinh, kích thước cơ thể sinh vật kí sinh nhỏ hơn kích thước cơ thể sinh vật chủ.

Câu 105. Nuôi cấy các hạt phân của một cây có kiểu gen $AaBbDdee$ để tạo nên các mô đơn bội. Sau đó xử lí các mô đơn bội này bằng cônsixin để gây lưỡng bội hoá, thu được 80 cây lưỡng bội. Cho biết mỗi gen quy định một tính trạng, không xảy ra đột biến gen và đột biến cấu trúc nhiễm sắc thể. Theo lí thuyết, khi nói về 80 cây này, phát biểu nào sau đây đúng?

- A. Mỗi cây lưỡng bội bình thường chỉ cho 1 loại giao tử.
 B. Tất cả các cây này đều có kiểu hình giống nhau.
 C. Các cây này có tối đa 9 loại kiểu gen.
 D. Trong các cây này, có cây mang kiểu gen $aabbddEE$.

Câu 106. Một loài động vật có 4 cặp nhiễm sắc thể được kí hiệu là Aa, Bb, Dd và Ee . Trong các cơ thể có bộ nhiễm sắc thể sau đây, có bao nhiêu thể ba?

- I. $AaaBbDdEe$. II. $ABbDdEe$. III. $AaBBbDdEe$.
 IV. $AaBbDdEe$. V. $AaBbdEe$. VI. $AaBbDdE$.

- A. 4. B. 3. C. 5. D. 2.

Câu 107. Một loài sinh vật ngẫu phối, xét một gen có hai alen nằm trên nhiễm sắc thể thường, alen A trội hoàn toàn so với alen a. Bốn quần thể của loài này đều đang ở trạng thái cân bằng di truyền và có tỉ lệ các cá thể mang kiểu hình trội như sau:

Quần thể	I	II	III	IV
Tỉ lệ kiểu hình trội	96%	64%	36%	84%

Theo lí thuyết, phát biểu nào sau đây đúng?

- A. Trong 4 quần thể, quần thể III có tần số kiểu gen Aa lớn nhất.
 B. Quần thể II và quần thể IV có tần số kiểu gen dị hợp tử bằng nhau.
 C. Quần thể I có tần số kiểu gen Aa lớn hơn tần số kiểu gen AA .
 D. Tần số kiểu gen Aa ở quần thể I bằng tần số kiểu gen Aa ở quần thể II.

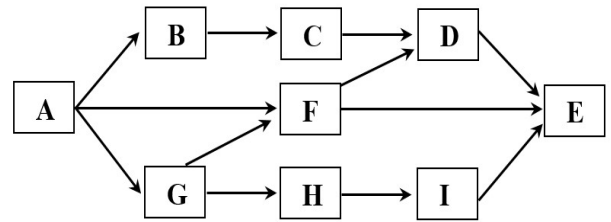
Câu 112. Một loài thực vật, alen A quy định thân cao trội hoàn toàn so với alen a quy định thân thấp; alen B quy định hoa đỏ trội không hoàn toàn so với alen b quy định hoa trắng, kiểu gen Bb quy định hoa hồng; hai cặp gen này phân li độc lập. Cho cây thân cao, hoa trắng giao phấn với cây thân thấp, hoa đỏ (P), thu được F₁ gồm 100% cây thân cao, hoa hồng. Cho F₁ tự thụ phấn, thu được F₂. Biết rằng không xảy ra đột biến. Theo lí thuyết, phát biểu nào sau đây **sai**?

- A. Lấy ngẫu nhiên 1 cây thân cao, hoa đỏ ở F₂, xác suất lấy được cây thuần chủng là 1/9.
- B. F₂ có 6,25% số cây thân thấp, hoa trắng.
- C. F₂ có 18,75% số cây thân cao, hoa đỏ.
- D. F₂ có 9 loại kiểu gen và 6 loại kiểu hình.

Câu 113. Một loài thực vật, alen A quy định thân cao trội hoàn toàn so với alen a quy định thân thấp; alen B quy định quả ngọt trội hoàn toàn so với alen b quy định quả chua. Cho cây thân cao, quả ngọt (P) tự thụ phấn, thu được F₁ gồm 4 loại kiểu hình, trong đó số cây thân thấp, quả chua chiếm 4%. Biết rằng không xảy ra đột biến nhưng xảy ra hoán vị gen ở cả quá trình phát sinh giao tử đực và giao tử cái với tần số bằng nhau. Theo lí thuyết, phát biểu nào sau đây **sai**?

- A. Hai cặp gen đang xét cùng nằm trên một cặp nhiễm sắc thể.
- B. Khoảng cách giữa gen A và gen B là 20 cM.
- C. F₁ có 10 loại kiểu gen.
- D. Trong tổng số cây thân cao, quả ngọt ở F₁, cây có kiểu gen đồng hợp tử chiếm tỉ lệ 2/27.

Câu 114. Giả sử lưới thức ăn sau đây gồm các loài sinh vật được kí hiệu: A, B, C, D, E, F, G, H, I. Cho biết loài A là sinh vật sản xuất và loài E là sinh vật tiêu thụ bậc cao nhất. Có bao nhiêu phát biểu sau đây đúng?



- I. Lưới thức ăn này có tối đa 6 chuỗi thức ăn.
- II. Có 2 loài tham gia vào tất cả các chuỗi thức ăn.
- III. Loài D có thể thuộc bậc dinh dưỡng cấp 3 hoặc cấp 4.
- IV. Quan hệ giữa loài H và loài I là quan hệ cạnh tranh.

- A. 3.
- B. 4.
- C. 1.
- D. 2.

Câu 115. Một gen ở sinh vật nhân sơ có 1500 cặp nuclêôtit và số nuclêôtit loại A chiếm 15% tổng số nuclêôtit của gen. Mạch 1 có 150 nuclêôtit loại T và số nuclêôtit loại G chiếm 30% tổng số nuclêôtit của mạch. Có bao nhiêu phát biểu sau đây đúng?

- I. Mạch 1 của gen có $G/X = 3/4$.
 - II. Mạch 1 của gen có $(A + G) = (T + X)$.
 - III. Mạch 2 của gen có $T = 2A$.
 - IV. Mạch 2 của gen có $(A + X)/(T + G) = 2/3$.
- A. 4.
 - B. 3.
 - C. 1.
 - D. 2.

Câu 116. Một loài thực vật, tính trạng màu hoa do hai cặp gen quy định. Cho hai cây đều có hoa hồng (P) giao phấn với nhau, thu được F₁ gồm 100% cây hoa đỏ. Cho các cây F₁ tự thụ phấn, thu được F₂ có kiểu hình phân li theo tỉ lệ: 56,25% cây hoa đỏ : 37,5% cây hoa hồng : 6,25% cây hoa trắng. Biết rằng không xảy ra đột biến. Theo lí thuyết, có bao nhiêu phát biểu sau đây đúng?

- I. F₂ có 4 loại kiểu gen quy định kiểu hình hoa đỏ.
- II. Trong tổng số cây hoa hồng ở F₂, số cây có kiểu gen dị hợp tử chiếm tỉ lệ 2/3.
- III. Cho tất cả các cây hoa đỏ ở F₂ giao phấn với cây hoa trắng, thu được F₃ có kiểu hình phân li theo tỉ lệ: 4 cây hoa đỏ : 4 cây hoa hồng : 1 cây hoa trắng.
- IV. Cho tất cả các cây hoa hồng ở F₂ giao phấn với tất cả các cây hoa đỏ ở F₂, thu được F₃ có số cây hoa hồng chiếm tỉ lệ 10/27.

- A. 4.
- B. 3.
- C. 1.
- D. 2.

